

Bản án số: 104/2024/DS – ST

Ngày: 29 - 7 - 2024

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh An;

Ông Võ Trường Tam;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST- DS, ngày 20 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: Số A, N, phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia T1 – Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S.

Địa chỉ: Số b, N, phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 2437 ngày 11/8/2023).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông T1 xin vắng mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S là ông Trần Gia T1 trình bày: Ngày 17/12/2019, bà Nguyễn Thị Thùy T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sau đây viết là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Visa, số thẻ 472074-1936, lãi suất 2.6%/tháng. Sau khi được cấp tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.074.865 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 34.514.710 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này sang nợ gốc là 23.456.254 đồng. Từ tháng 8/2020 đến tháng 6/2022, bà T có thanh toán thêm vào thẻ tín dụng số tiền 11.400.000 đồng, hiện bà T còn nợ gốc là 12.056.254 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà T trả lại nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 29/7/2024 là 38.666.778 đồng, trong đó nợ gốc là 12.056.254 đồng, lãi quá hạn với lãi suất là 3.9%/tháng (150% lãi suất trong hạn), thành tiền là 26.610.524 đồng. Buộc bà T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Trần Gia T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng bà T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bà T cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng: Ngày 17/12/2019, bà Nguyễn Thị Thùy T có ký Hợp đồng tín dụng có tựa đề “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng”, đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng qua Thẻ tín dụng, kèm theo là văn bản về Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29/11/2019. Ngân hàng chấp nhận đề nghị của bà T vào ngày 18/12/2019, đồng ý cấp tín dụng với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 2.6%/tháng, lãi suất quá

hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nội dung thỏa thuận của các bên không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ theo Điều 117, Điều 3 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà T có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã giải ngân số vốn vay 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thùy T. Sau khi được cấp tín dụng thì bà T đã sử dụng vốn trong thẻ và đến nay chưa hoàn trả lại số vốn đó cho Ngân hàng nên bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện, buộc bà T trả nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về nợ gốc và lãi: Ngân hàng xác định, đến ngày 29/7/2024, bà T còn nợ 38.666.778 đồng, trong đó nợ gốc là 12.056.254 đồng, lãi quá hạn với mức lãi suất là 3.9%/tháng (150% lãi suất trong hạn), thành tiền là 26.610.524 đồng. Các khoản lãi này được tính toán phù hợp dư nợ gốc, ngày chậm trả nợ của bà T và mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo, Quyết định tố tụng hợp lệ cho bà T nhưng bà T không phản hồi đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là không có căn cứ.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị Thùy T trả lại nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 29/7/2024 là 38.666.778 đồng; buộc bà T tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 30/7/2024 theo thỏa thuận giữa các bên cho đến khi trả xong nợ.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 3, 117, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 29/7/2024, theo Hợp đồng tín dụng, gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/12/2019, được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 18/12/2019, kèm theo văn bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 29/11/2019, là 38.666.778 đồng, trong đó nợ gốc là 12.056.254 đồng, lãi quá hạn là 26.610.524 đồng.

Kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Thị Thùy T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/12/2019, được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 18/12/2019, kèm theo văn bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 29/11/2019.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T chịu 1.933.339 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 799.360 đồng theo Biên lai thu số 0020493 ngày 17/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương